TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST Ngày: 24-01-2018 *V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Tuyết Trinh;

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1983 (có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp BT, xã BTh, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: ấp T, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 16, ấp BT, xã BTh, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:* Chị và anh Nguyễn Hoàng T được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 05 tháng 6 năm 2007 (âm lịch), và anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã BTh, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian; việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Trong thời gian chung sống giữa anh chị thường hay mâu thuẫn, cãi vả với nhau; nguyên nhân do anh T thường xuyên đi chơi, không quan tâm gia đình, hiện chị không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Anh chị có một con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 27/12/2009; hiện nay cháu V đang sống với anh T. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T theo quy định pháp luật. Về con chung: Chị thống nhất giao cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 27/12/2009 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày:* Anh và chị A được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 06 tháng 6 năm 2007 (âm lịch), và anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã BTh, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian; việc kết hôn là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Thời gian anh chị chung sống, anh cũng có đi chơi như chị A trình bày; nhưng anh vẫn lo cho gia đình, giữa anh và chị A không có xảy ra mâu thuẫn gì như chị A trình bày. Anh chị có một con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 27/12/2009; hiện nay cháu V đang sống với anh. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Hiện nay anh không thống nhất ly hôn với chị A, do anh còn thương chị A. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị A ly hôn thì anh thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng cháu V đến khi cháu V đủ 18 tuổi, anh không có yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị A và Nguyễn Hoàng T làm phát sinh "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án nhân dân huyện TB thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A và Nguyễn Hoàng T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; nay chị A yêu cầu ly hôn với anh T, và anh T không thống nhất nên làm phát sinh tranh chấp ly hôn.

Xét việc chị A và anh T ly thân từ ngày 16/11/2016 (âm lịch) đến nay không có hàn gắn tình cảm lại được; nguyên nhân do anh T thường xuyên đi chơi, không quan tâm gia đình, nên giữa chị A và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn và cãi vả với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; hiện nay chị A không còn tình cảm với anh T. Anh T, thì cho rằng hiện nay còn thương vợ, nên không thống nhất ly hôn; nhưng thực tế từ ngày ly thân đến nay, anh T không có tác động gì để hàn gắn lại tình cảm với chị A được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Vì vậy căn cứ vào quy định trên, chấp nhận việc xin ly hôn của chị A đối với anh Nguyễn Hoàng T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị A thống nhất giao cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 27/12/2009 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu V đủ 18 tuổi; anh T thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng cháu V đến khi cháu V đủ 18 tuổi, anh không có yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con; đồng thời, cháu V cũng có ý kiến được sống với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử, chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh chị là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh T thống nhất trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử, không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Do vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, chị A và anh T đều có bản khai trình bày rõ nội dung yêu cầu và ý kiến giải quyết vụ án của mình; Tòa án không có thu thập thêm tài liệu, chứng cứ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB không tham gia phiên tòa là phù hợp theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 21, 28, 35, 36, 39 và Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A đối với anh Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị A và anh T; giao cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 27/12/2009 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Chị A khỏi phải cấp dưỡng nuôi con, do anh T không có yêu cầu.

Chị A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị A phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BO/2014 00635, ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB.

- Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Tòa án ND Tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- UBND xã BTh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thành Triều